

CÔNG TY TNHH TMDV KDTM TRẠNG HÀ LINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV KDTM TRẠNG HÀ LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110693300

3. Ngày thành lập: 22/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36 ngõ 1333/17 đường Giải Phóng, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0846503993

Fax:

Email: phittlee735@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn đồ uống	4633

16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể, Dạy bay)	8559
29.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
30.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
31.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
32.	Lập trình máy vi tính	6201
33.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
34.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
35.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
36.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
37.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
38.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm (Không bao gồm môi giới, đầu giá)	6622
39.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (theo quy định tại Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6810

40.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản theo quy định tại Điều 62, Dịch vụ tư vấn bất động sản theo quy định tại Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014	6820
41.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)	7020
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
43.	Quảng cáo	7310(Chính)
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
45.	Hoạt động nhiếp ảnh (Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
46.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...); Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán; tư vấn kế toán, tài chính, pháp lý)	7490
47.	Cho thuê xe có động cơ	7710
48.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690
49.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
53.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
54.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
55.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
56.	Sản xuất giày, dép	1520
57.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
58.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
59.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
60.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
61.	In ấn	1811
62.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
63.	Sao chép bản ghi các loại	1820
64.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
65.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
66.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

67.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
68.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
72.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
73.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
74.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
75.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
78.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
79.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
80.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
81.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
84.	Bốc xếp hàng hóa	5224
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động lai dắt, hoa tiêu, đưa tàu cập bến; trừ hoạt động hàng không; trừ dịch vụ lấy lại tài sản; trừ hoạt động đấu giá)	5229
87.	Bưu chính	5310
88.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
89.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
90.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

92.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết:- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh; - Hoạt động sản xuất phim video; - Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (+Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh +Trừ hoạt động báo chí theo Điều 14 Luật Báo chí)	5911
93.	Hoạt động hậu kỳ (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5912
94.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
96.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (Trừ trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
97.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
98.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động nước ngoài)	7830
99.	Đại lý du lịch	7911
100.	Điều hành tua du lịch	7912
101.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
102.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
103.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
104.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
105.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
106.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

6. Vốn điều lệ: 7.230.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001195033700

Địa chỉ thường trú: *Thôn Hạ Hòa, Xã Tân Phú, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Hạ Hòa, Xã Tân Phú, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 06/07/1995 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001195033700

Địa chỉ thường trú: *Thôn Hạ Hòa, Xã Tân Phú, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Hạ Hòa, Xã Tân Phú, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội